

Thực trạng cảm nhận hạnh phúc về nghề nghiệp của giáo viên trung học cơ sở tỉnh Nam Định trong giai đoạn thực thi Chương trình Giáo dục phổ thông 2018

Phạm Thị Hồng Thắm

Email: thampth@vnies.edu.vn
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Trong giai đoạn Việt Nam đang tiến hành một cuộc cải cách giáo dục lớn như hiện nay thì cảm nhận hạnh phúc của giáo viên là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá tính hiệu quả của sự thay đổi chương trình giáo dục. Điều tra ban đầu về hiệu ứng tích cực của công cuộc đổi mới này đã được tác giả thực hiện thông qua cuộc khảo sát trên quy mô tỉnh Nam Định và kết quả thu được cũng cho thấy những nguồn thông tin đa chiều. Ngoài những thông tin tích cực thì vẫn có những thông tin còn đặt ra nhiều câu hỏi cho các cấp lãnh đạo còn cần phải lưu tâm. Kết quả điều tra cho thấy, giáo viên đang cảm thấy “Công việc là có ý nghĩa” chỉ nhận được điểm số 3.10/5 điểm, là điểm số thấp nhất trong các tiêu chí đánh giá. Ngoài ra, tỉ lệ giáo viên “hoàn toàn không tin” và “có chút không tin” vào niềm tin hạnh phúc trong tương lai vẫn còn chiếm tỉ lệ tương đối lớn (24.4%). Tuy vậy, với một số tiêu chí khác như “Hài lòng với vị trí hiện tại” lại có điểm số đánh giá cao hơn (4.05/5 điểm), “Cảm thấy có động lực với công việc” đạt 4.11/5 điểm. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả hi vọng Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có những động thái giúp giáo viên nâng cao hơn cảm nhận hạnh phúc nghề nghiệp.

TỪ KHÓA: Cảm nhận hạnh phúc, thực trạng, giáo viên phổ thông.

→ Nhận bài 16/02/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 23/3/2022 → Duyệt đăng 15/8/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210808>

1. Đặt vấn đề

Theo quan niệm của Corey Lee M. Keyes (2002), hạnh phúc như một dấu hiệu của sức khỏe tâm thần và bao gồm các biểu hiện phản ánh sự tồn tại hay biến mất của cảm xúc tích cực về cuộc sống. Trong công việc, hạnh phúc chính là sự hài lòng với những gì người lao động đang làm và họ đặt niềm tin vào tương lai công việc đó. Đối với giáo dục, cảm nhận hạnh phúc nghề nghiệp vô cùng quan trọng bởi thứ cảm nhận này nó không chỉ ảnh hưởng tới sự phát triển tâm lý tích cực của giáo viên mà nó còn gián tiếp ảnh hưởng tới tâm lý học sinh và thái độ hoạt động nghề nghiệp của chính họ. Cảm nhận hạnh phúc nghề nghiệp còn ảnh hưởng tới tính chủ động và khả năng sáng tạo của giáo viên. Chính vì vậy, các nhà quản lý và hiệu trưởng cần phải biết cách làm thế nào để giáo viên cảm thấy hạnh phúc với nghề, yêu nghề và gắn bó với nghề. Trong bối cảnh Việt Nam đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi Chương trình Giáo dục phổ thông theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển của quốc tế thì niềm tin, sự hài lòng, kì vọng... của giáo viên càng đóng vai trò rất quan trọng. Liệu mức độ hài lòng, niềm tin của giáo viên đối với chương trình mới này được thể hiện đến đâu, ở mức độ nào? Cải thiện được vấn đề này nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình đổi mới. Câu hỏi này

được tháo gỡ chính là góp phần nâng cao hiệu quả của sự thay đổi chương trình.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Thông qua tìm hiểu một số nghiên cứu trên các tạp chí về hạnh phúc nghề nghiệp của giáo viên, trong đó đáng chú ý là các nghiên cứu của Bùi Văn Vân - Nguyễn Thị Hằng Phương (2018), Phạm Thế Kiên (2018), Trần Minh Hiếu (2013), Dương Minh Quang - Hà Thị Phương Thảo (2018). Các kết quả đều thống nhất rằng, giáo viên hiện nay đều cảm nhận hạnh phúc không cao. Cụ thể, có 10.2% cán bộ viên chức không hạnh phúc, 9.3% ít hạnh phúc, 11.2% hạnh phúc ở mức dưới trung bình, 31.3% hạnh phúc ở mức trung bình, mức rất hạnh phúc chỉ có 3.6% [1]. Từ khi bắt đầu triển khai Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, các nghiên cứu về cảm nhận hạnh phúc nghề nghiệp cũng bắt đầu được đề cập nhiều hơn. Tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay vẫn chưa thực sự nhận được sự đầu tư kĩ lưỡng. Nhìn vào tổng quan nghiên cứu trong nước, chúng ta có thể thấy rằng, hiện nay vấn đề về cảm nhận hạnh phúc của giáo viên vẫn cần được quan tâm nhiều hơn từ các cấp quản lý và các nhà nghiên cứu.

2.2. Đối tượng và thời gian khảo sát

Đối tượng khảo sát: Để có được những căn cứ giúp đưa ra những nhận định ban đầu về hiệu ứng tâm lý của giáo viên khi đón nhận chương trình mới, chúng tôi tiến hành khảo sát trên 290 giáo viên trung học cơ sở từ các trường khác nhau ở tỉnh Nam Định, trong đó 01 trường nằm ở khu vực thành phố Nam Định, 02 trường nằm ở thị trấn và 03 trường ở các khu vực huyện khác nhau. Thông tin về đối tượng khảo sát như sau:

Về trình độ: Đại học chiếm tỉ lệ cao nhất 94.8%; trên đại học chiếm tỉ lệ 1%; dưới đại học chiếm 4.1%.

Về giới tính: Nữ 94.1%, nam 5.9%.

Về độ tuổi: Dưới 30 tuổi (17.9%); từ 31-40 (29.7%); từ 41 đến 50 tuổi (37.2%); trên 50 tuổi (15.2%).

Về thâm niên công tác: Dưới 10 năm (21.7%); từ 11-20 năm (34.5%); trên 20 năm (43.8%).

Thời gian khảo sát: Tác giả tiến hành khảo sát cảm nhận hạnh phúc của giáo viên Việt Nam vào cuối tháng 9, đầu tháng 10 năm học 2020 - 2021. Đây là khoảng thời gian sau một tháng chính thức thực thi Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và sau một thời gian dài tập huấn nhằm thích nghi với chương trình mới do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Đánh giá bước đầu về cảm nhận hạnh phúc của giáo viên trong thời điểm này có ý nghĩa rất lớn bởi nghiên cứu giai đoạn đầu này sẽ là những đánh giá khách quan nhất về cảm nhận hạnh phúc nghề nghiệp của giáo viên trong giai đoạn này, giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo có những điều chỉnh hợp lý trong quá trình thực thi Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

2.3. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Phương pháp điều tra, khảo sát: Tác giả sử dụng các phương pháp để thực hiện nghiên cứu là: bảng hỏi, bảng phỏng vấn sâu, quan sát, nghiên cứu lý luận, thống kê toán học.

Công cụ khảo sát:

- Thiết kế bộ phiếu hỏi dựa trên lý thuyết Đỗ Ngọc Khanh và cộng sự, đồng thời tham khảo một số tác giả trong và ngoài nước khác. Bộ câu hỏi gồm 38 câu hỏi được chia làm ba phần: Các thông tin chung; phần 2/ Thực trạng về cảm nhận hạnh phúc của giáo viên; 3/ Các yếu tố ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của giáo viên.

- Thang đo: Tác giả tham khảo Thang đo hạnh phúc trong công việc của Bagheri và cộng sự (2012); Thang đo cảm nhận hạnh phúc trong công việc của Đỗ Ngọc Khanh và cộng sự (2019) và dựa trên mục tiêu nghiên cứu, tác giả thiết kế riêng cho nghiên cứu này thang đo phù hợp để tiến hành đo mức độ cảm nhận hạnh phúc của giáo viên. Tuy vậy, trong nghiên cứu này, tác giả tập trung vào khai thác sự hài lòng và niềm tin trong công việc của giáo viên hiện nay.

- Phiếu phỏng vấn và quan sát: Tác giả sử dụng phương pháp này nhằm khai thác tối đa mức độ hài lòng và niềm tin của giáo viên đối với công việc, đồng thời là căn cứ để khẳng định tốt hơn tính xác thực của nghiên cứu.

Về thang điểm đánh giá: Tác giả sử dụng thang điểm 5 bậc. Điểm càng cao thể hiện sự hài lòng của đối tượng khảo sát càng lớn.

2.4. Kết quả nghiên cứu

2.4.1. Một số khái niệm

Cảm nhận hạnh phúc. Diener (2000) cho rằng, đó là sự đánh giá nhận thức và tình cảm của con người đối với cuộc sống của họ. Vì thế, nó mang một ý nghĩa rộng hơn bao gồm các trải nghiệm thỏa mãn, trạng thái cảm xúc tiêu cực ở mức thấp và sự hài lòng với cuộc sống ở mức cao. Keyes và Waterman cho rằng, cảm nhận hạnh phúc chính là nhận thức của từng người và những đánh giá của họ về đời sống của mình trong lúc tâm trạng của họ đang trong trạng thái tích cực. Theo kết quả nghiên cứu của Phan Thị Mai Hương (2014), cảm nhận hạnh phúc được coi là đánh giá chủ quan của con người về sự hài lòng, dễ chịu với cuộc sống của mình. Hài lòng cũng chính là thước đo, là chỉ số đo lường hiệu quả nhất về chất lượng cuộc sống, sự thỏa mãn của con người đối với công việc họ đang thực hiện. Đồng quan điểm với Phan Thị Mai Hương, tác giả sử dụng sự hài lòng làm thước đo đánh giá về cảm nhận hạnh phúc của mỗi cá nhân trong cuộc sống của họ.

Cảm nhận hạnh phúc nghề nghiệp. Cantor và cộng sự (1991), Carver - Scheier (1990), Cojocar - Bragaru - Ciuchi (2012) cho rằng, cảm nhận hạnh phúc nghề nghiệp chính là sự trải nghiệm thường xuyên các trạng thái cảm xúc tích cực (như sự hài lòng, sự hứng thú, quan tâm, yêu thích...) nhiều hơn là các cảm xúc tiêu cực (chán, buồn, lo âu...). Theo Bagheri và cộng sự (2012), cảm nhận hạnh phúc nghề nghiệp chính là sự hài lòng trong công việc của người lao động, là sự hài hòa giữa nhận thức của người lao động về những nhu cầu của họ với những điều họ nhận được từ công việc. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng quan điểm của Bagheri và cộng sự cho rằng, cảm nhận hạnh phúc nghề nghiệp chính là sự hài lòng với những gì họ đang làm và đạt được trong công việc.

2.4.2. Đánh giá bước đầu về sự hài lòng với công việc của giáo viên trung học cơ sở tỉnh Nam Định

a. Mức độ hài lòng với công việc

Trong lao động, sự hài lòng có thể coi là nhân tố lớn nhất tạo nên động lực để thúc đẩy con người làm việc. Đối với những người làm nghề giáo, sự hài lòng không chỉ ảnh hưởng tới thái độ, tình cảm đối với công việc mà nó còn gián tiếp ảnh hưởng tới tinh thần, cảm

Bảng 1: Kết quả khảo sát về mức độ hài lòng với công việc của giáo viên

Mức độ	Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid				
Rất không hài lòng	12	4.1	4.1	4.1
Có chút không hài lòng	18	6.2	6.2	10.3
Bình thường	123	42.4	42.4	52.8
Có chút hài lòng	69	23.8	23.8	76.6
Rất hài lòng	68	23.4	23.4	100.0
Total	290	100.0	100.0	

xúc của những học sinh mà giáo viên giảng dạy hàng ngày. Do vậy, mức độ hài lòng của giáo viên có sức ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả công việc của họ. Hiện nay, giáo viên đang hài lòng với công việc ở mức độ nào? Kết quả trong Bảng 1 sẽ thể hiện điều này.

Có thể thấy rằng, các đánh giá “Rất hài lòng”, “Có chút hài lòng” và “Bình thường” cao hơn hẳn so với các mức “Rất không hài lòng” và “Có chút không hài lòng”. Nếu vào khoảng 10 năm trước, có đến khoảng 20% giáo viên trung học cơ sở Việt Nam cảm thấy không hài lòng với nghề nghiệp của mình [2] thì hiện nay con số đó đã giảm đi rất nhiều, còn khoảng 10% (Rất không hài lòng + Không hài lòng) (xem Bảng 1). Theo đó, tỉ lệ giáo viên “Có chút hài lòng” và “Rất hài lòng” với nghề tăng lên. Ở mức đánh giá này, chúng tôi mới chỉ khảo sát sơ bộ cảm nhận chủ quan của giáo viên khi vừa mới áp dụng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 chứ chưa thực hiện đo chuyên sâu. Tuy vậy, với những đánh giá hoàn toàn chủ quan này, chúng ta cũng phần nào có thể cảm nhận được rằng, giáo viên đang cảm thấy hài lòng với những sự thay đổi khi thực hiện chương trình giáo dục mới.

b. Các biểu hiện cụ thể về mức độ hài lòng

Qua Bảng 2 có thể thấy, giáo viên hiện nay đều đánh giá tương đối cao sự hài lòng với công việc, trong đó tiêu chí đánh giá cao nhất là “Cảm thấy có động lực

với công việc” đạt 4.11/5 điểm, đồng thời điểm đánh giá thấp nhất cũng là 3 (mức trung bình) trở lên. Ngoài ra, các tiêu chí đánh giá khác cũng nhận được số điểm đánh giá tương đối cao.

Tiêu chí “Cảm thấy công việc có ý nghĩa” là tiêu chí rất quan trọng để đánh giá cảm nhận của giáo viên đối với công việc họ đang thực hiện bởi có cảm nhận được ý nghĩa công việc thì người lao động mới có thể có những động lực tích cực làm việc và cống hiến. Nghề giáo - một nghề được coi là có “ý nghĩa cao quý nhất trong tất cả các nghề” thì trong khảo sát này nó lại nhận được sự đánh giá thấp nhất so với các tiêu chí khác. Thông qua đó, nó thể hiện rằng, giáo viên hiện nay đang đánh giá không cao ý nghĩa công việc của họ. Điều này cũng có thể lí giải được vì trong một thời gian dài giáo dục Việt Nam bộc lộ những hạn chế và sự lúng túng trong công tác tổ chức. Ngoài ra, những đánh giá không cao về nghề giáo trong xã hội trong những năm gần đây đã khiến giáo viên luôn cảm thấy bất an khi hoạt động nghề. Tâm lí này hiện nay vẫn còn tồn tại và chưa hoàn toàn chấm dứt. Chúng ta cần thời gian để hoàn thiện nó. Các tiêu chí khác như: “Cảm thấy kết quả lao động có giá trị”, “Cảm thấy thể hiện được năng lực bản thân trong công việc” cũng nhận được kết quả đánh giá trên trung bình.

So sánh mức độ hài lòng với công việc dựa trên cơ sở giới cho thấy không có sự khác biệt quá rõ rệt về sự hài

Bảng 2: Sự hài lòng trong công việc của giáo viên trung học cơ sở tỉnh Nam Định

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Hài lòng với vị trí hiện tại	290	2.00	5.00	4.0552	.95054
Cảm thấy kết quả lao động có giá trị	290	1.00	5.00	3.1862	.93739
Cảm thấy thể hiện được năng lực bản thân trong công việc	290	1.00	5.00	3.3517	1.17959
Cảm thấy có động lực với công việc	290	2.00	5.00	4.1138	1.07382
Cảm thấy công việc có ý nghĩa	290	1.00	5.00	3.1034	1.50535
Cảm thấy đang làm những việc có ích tại đơn vị	290	1.00	5.00	3.9966	1.06696
Valid N (listwise)	290				

lòng trong công việc. Nếu ở nhóm nữ, mức hài lòng có ý nghĩa mean = 3.56 thì ở nhóm nam có ý nghĩa mean = 3.52. Có thể thấy rằng, ở cấp Trung học cơ sở, giáo viên khu vực tỉnh Nam Định cảm thấy tương đối hài lòng với công việc và không có sự khác nhau quá nhiều giữa các nhóm đối tượng nam và nữ.

So sánh sự hài lòng trong công việc dựa trên trình độ học vấn cho thấy với các nhóm trình độ khác nhau, sự hài lòng với công việc có sự khác nhau rõ rệt. Đối với nhóm trình độ dưới đại học, sự hài lòng lại đạt mức cao nhất mean = 5.00, trong khi đó nhóm đối tượng trình độ Đại học lại có mức hài lòng thấp nhất mean = 3.49 và nhóm đối tượng có trình độ Trên đại học đạt mức mean = 4.00.

So sánh sự hài lòng với công việc dựa trên độ tuổi cho thấy, ở độ tuổi 41-50 tuổi có mức độ hài lòng với công việc cao nhất so với các nhóm còn lại (mean = 3.89). Ở độ tuổi này, giáo viên đa phần đã đủ chín về kiến thức, kĩ năng và cơ bản hoàn thành các mục tiêu trong sự nghiệp nên họ tự tin hơn trong công việc. Đối với các đối tượng trong độ tuổi từ 31 - 40 tuổi, giáo viên trong giai đoạn này thường căng thẳng hơn vì đây là giai đoạn giáo viên đã trải qua một thời gian công tác và đang trong giai đoạn hoàn thành các kế hoạch nghề nghiệp. Ở nhóm dưới 30 tuổi, mức độ hài lòng mean = 3.46; nhóm 31-40 tuổi có mean = 3.31; nhóm trên 50 tuổi có mean = 3.34. Nhìn chung, mức độ hài lòng với công việc của các nhóm độ tuổi khác nhau trong giai đoạn thực thi Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 tương đối cao, dù ở trong độ tuổi nào thì mức độ hài lòng đều ở mức khá cao, điều này cho thấy rằng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đang khiến giáo viên cảm thấy hài lòng hơn trong hoạt động nghề.

c. Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng với công việc

Yếu tố giáo viên “Có mối quan hệ tốt với đồng nghiệp” có điểm số cao nhất trong các yếu tố ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của họ (4.21/5 điểm). Yếu tố có số điểm thấp nhất là “Hài lòng với kết quả học tập của học sinh”. Các yếu tố chiếm số điểm tương đối cao tiếp theo là được “Làm việc đúng chuyên môn”, “Tự tin về năng lực bản thân”, “Học sinh có thái độ học tập tốt” và “Sự coi trọng nghề giáo của xã hội”.

Trong số tất cả các yếu tố, sự “Hài lòng với kết quả học tập của học sinh” được giáo viên đánh giá thấp nhất (3.29/5). Tuy giáo viên đánh giá cao thái độ học tập của học sinh và sự tự tin vào năng lực bản thân mình nhưng lại không đánh giá cao kết quả học tập của học sinh. Vậy, nguyên nhân do đâu xảy ra hiện tượng này? Có thể nói rằng, Nam Định vốn là một vùng “đất học”, thành tích giáo dục của vùng này trong nhiều năm nay luôn đứng đầu cả nước. Giáo viên vùng này chịu rất nhiều áp lực về thành tích học tập của học sinh - điều này không chỉ được thể hiện trong kết quả khảo sát của chính nghiên cứu này mà trong nhiều nghiên cứu khác và luôn mong muốn học sinh có thành tích học tập cao hơn nữa. Chính sự kì vọng của giáo viên quá cao khiến cho bản thân giáo viên luôn cảm thấy không thỏa mãn với những gì học sinh đạt được [3].

Một yếu tố khác cũng không nhận được sự đánh giá cao của giáo viên đó là “Quy định về thời gian làm việc”. Theo con số thống kê, có tới 68.3% giáo viên phải làm việc từ 8-10 tiếng và 30.3% giáo viên cần dùng trên 10 tiếng để hoàn thành khối lượng công việc hằng ngày. Như vậy, giáo viên trung học cơ sở tỉnh Nam Định hiện nay đang phải dùng quá sức của mình để làm việc. Điều này cũng thể hiện rằng, khối lượng công việc

Bảng 3: Các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hài lòng đối với công việc của giáo viên hiện nay

Các yếu tố	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
Sự coi trọng nghề giáo của xã hội	290	1.00	5.00	4.0517	1.20009
Nhà nước có những chính sách nhằm phát triển chuyên môn cho các thầy cô	290	2.00	5.00	3.4862	.96378
Quy định về thời gian dạy học là phù hợp	290	2.00	5.00	3.3828	.84123
Sự hợp lí trong kiểm tra đánh giá giáo viên	290	2.00	5.00	3.9724	.94810
Lãnh đạo hiểu và thông cảm với các thầy cô	290	2.00	5.00	3.9828	1.01018
Có mối quan hệ tốt với đồng nghiệp	290	1.00	5.00	4.2793	.95645
Học sinh có thái độ học tập tốt	290	2.00	5.00	4.0414	.89114
Hài lòng với kết quả học tập của học sinh	290	1.00	5.00	3.2931	1.48357
Tự tin về năng lực bản thân	290	1.00	5.00	4.1034	1.03050
Được làm việc đúng chuyên môn	290	3.00	5.00	4.2138	.78644
Valid N (listwise)	290				

Bảng 4: Thầy cô có tin rằng trong tương lai thầy cô sẽ hạnh phúc hơn trong nghề nghiệp không?

		Frequency	Percent	Valid Percent	Cumulative Percent
Valid	Hoàn toàn không tin	30	10.3	10.3	10.3
	Có chút không tin	41	14.1	14.1	24.5
	Bình thường	122	42.1	42.1	66.6
	Một chút tin	60	20.7	20.7	87.2
	Hoàn toàn tin	37	12.8	12.8	100.0
	Total	290	100.0	100.0	

của giáo viên so với 10 năm trước cũng không có thay đổi nhiều [2].

Chính sách phát triển chuyên môn cho giáo viên cũng không được đánh giá cao. Trong giai đoạn thực thi Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 như hiện nay, vấn đề đào tạo chuyên môn là vấn đề cần được quan tâm nhiều hơn cả. Các công tác bổ sung chuyên môn hiện nay cho giáo viên phần lớn được thực hiện bởi những buổi tập huấn, những hội thảo, trao đổi chuyên môn, trong khi đó những hình thức nâng cao trình độ này ở Việt Nam hiện nay vẫn chưa thực sự được đánh giá cao. Nhiều giáo viên vẫn coi các hình thức tập huấn là một trong những hình thức “xả hơi” và thực sự “không thu hoạch được gì” sau những buổi học.

Thông qua kết quả khảo sát này, ta thấy được phần nào những đánh giá bước đầu về cảm nhận hạnh phúc của giáo viên trong giai đoạn đầu của việc thực thi Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tuy rằng, giáo viên đang đánh giá một số yếu tố còn chưa thực sự tốt nhưng cơ bản đã cao hơn nhiều so với những năm trước đó.

2.4.3. Sự tin tưởng của giáo viên vào hạnh phúc nghề nghiệp trong tương lai

Có hai loại niềm tin là niềm tin tích cực và niềm tin tiêu cực. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành khảo sát niềm tin của giáo viên trên cơ sở niềm tin tích cực.

Sau một khoảng thời gian giáo viên được tập huấn, đào tạo để chuẩn bị cho việc triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đến nay sau khi trải qua hoạt động thực tế, giáo viên liệu có tin tưởng vào một tương lai tốt đẹp hay không? Chúng ta cùng xét đến kết quả điều tra thông qua Bảng 4.

Dữ liệu trên Bảng 4 cho thấy, tỉ lệ giáo viên chọn mức “Bình thường” chiếm tỉ lệ cao nhất 42.1%, mức độ này thể hiện sự “không tin” đồng thời cũng “không phải không tin”. Trong quan niệm của đa số người Việt, mức “Bình thường” này thể hiện sự “không cảm nhận rõ ràng về tình cảm, thái độ của mình với sự vật hiện tượng” [4]. Tỉ lệ giáo viên có “Một chút tin” vào hạnh phúc nghề nghiệp trong tương lai chỉ đạt 20.7%, mức

hoàn toàn tin có 12.8%, trong khi có đến 10.3% giáo viên hiện nay “Hoàn toàn không tin” vào hạnh phúc nghề nghiệp của họ. Ngoài ra, còn có 14.1% giáo viên đang trong trạng thái “Có chút không tin”. Tuy nhiên, nếu so sánh tương quan giữa sự “tin” và “không tin” của giáo viên thì số lượng giáo viên lựa chọn “tin” vẫn chiếm tỉ lệ cao hơn. Điều này là một tín hiệu đáng mừng cho sự thay đổi trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018. Tuy vậy, xét trong bối cảnh giáo dục, giáo viên là những con người có vai trò nòng cốt, quyết định sự hưng thịnh của ngành này thì những con số “không tin” trên cũng thể hiện một “nguy cơ” không nên có.

Một vấn đề được đặt ra là: Tại sao giáo viên đánh giá cao sự hài lòng với công việc của họ trong khi đó lại không đặt niềm tin quá nhiều vào tương lai? Kết quả phỏng vấn một số giáo viên cho thấy rõ điều này. Các ý kiến như sau: “*Em không đặt quá nhiều niềm tin đâu ạ, lúc đầu thì làm hay ho thế thôi chứ sau này chả biết thế nào*” (Giáo viên số 21), hoặc: “*Em nghĩ chắc chỉ duy trì tình trạng này trong vài năm tới thôi rồi lại đầu vào đầy thôi ạ, rồi chúng em lại phải làm đủ các thứ việc không tên như trước thôi ạ*” (Giáo viên số 172), “*Cái thay đổi lớn nhất của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 là truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất năng lực người học, theo đó giáo viên cũng cần phải thay đổi phương pháp, kỹ thuật dạy học để đáp ứng được yêu cầu đó. Nhưng trên thực tế, phần lớn giáo viên đã quen với phương pháp dạy học truyền thống, để thay đổi được thì cũng cần rất nhiều thời gian, ngoài ra với sự tích hợp liên môn như hiện nay thì cũng đòi hỏi giáo viên phải có kiến thức đủ rộng để đáp ứng được yêu cầu này. Em nghĩ, để thực hiện tốt Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 này còn nhiều vấn đề nan giải lắm ạ*” (Giáo viên số 205).

3. Kết luận

Hạnh phúc nghề nghiệp là thước đo vô cùng quan trọng đối với mỗi ngành nghề. Điều này giúp các nhà lãnh đạo có cái nhìn tổng quát hơn về thái độ, động lực làm việc của người lao động. Giáo dục Việt Nam đang trong giai đoạn đổi mới toàn diện chương trình giáo dục

và giáo viên là những người đem lại nguồn cảm hứng, truyền cảm hứng và là những người sẽ tạo nên sự hưng thịnh cho nền giáo dục. Trong khuôn khổ của khảo sát, tác giả đã chỉ ra được mức độ hài lòng với công việc của giáo viên và các biểu hiện cụ thể của sự hài lòng ấy, đồng thời chỉ ra được các yếu tố ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của giáo viên. Thông qua đó, tác giả rút ra một số kết luận như sau:

- Giáo viên hiện nay đang đánh giá sự hài lòng với công việc của mình ở mức độ tương đối cao.
- Giáo viên đánh giá tương đối cao một vài tiêu chí về

mức độ hài lòng trong công việc và vẫn còn nhiều tiêu chí bị đánh giá thấp.

- Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của giáo viên, trong đó yếu tố liên quan đến mối quan hệ với đồng nghiệp được đánh giá cao nhất.

- Giáo viên chưa hoàn toàn tin tưởng vào hạnh phúc nghề nghiệp trong tương lai của mình.

Do vậy, với thực trạng giáo viên còn đang gặp nhiều các vấn đề như trên, Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có nhiều hơn những biện pháp hữu hiệu, cải thiện tốt hơn cảm nhận hạnh phúc nghề nghiệp cho giáo viên.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bùi Văn Vân - Nguyễn Thị Hằng Phương, (2018), *Thực trạng mức độ hạnh phúc của cán bộ, viên chức thuộc Đại học Đà Nẵng*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tr.109-112.
- [2] Nguyễn Thị Bình, (2012), *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phổ thông*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước mã số 01-2010 do nguyên Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình chủ nhiệm và Quỹ Hòa bình và Phát triển Việt Nam (Vietnam Peace and Development Foundation) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện.
- [3] Phạm Thị Phương Thúc, (2020). *Giải pháp giảm áp lực học tập cho học sinh Trung học phổ thông*, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Đề tài B2018.VKG.02, tr.36-37.
- [4] Vũ Thị Thanh Hương, (2012), *Nhu cầu ngoại ngữ và thái độ của công chức đối với chính sách ngoại ngữ hiện nay ở Việt Nam*, Tạp chí Ngôn ngữ, số 8, tr.13-25.
- [5] Phan Mai Hương, (2014), *Cảm nhận hạnh phúc của người nông dân*, Tạp chí Tâm lý học (số 8), tr.28-40.
- [6] Phạm Thị Hồng Thắm, (2019), *Investigation and Analysis on the Development of Chinese Teachers in Vietnam University*, Journal of Education and e-Learning Research, 6(2), p.69-75.
- [7] Hoàng Thị Trang, (2015), *Cảm nhận hạnh phúc của sinh viên*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [8] Trần Văn Chánh, (2001), *Từ điển Hán Việt*, NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.
- [9] Phạm Quang Trung, (2020), *Thực trạng chất lượng và đời sống vật chất, tinh thần của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục cơ sở*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.
- [10] Lê Ngọc Vãn, (2019), *Hạnh phúc của người Việt Nam - Khái niệm, cách tiếp cận và chỉ số đánh giá*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

THE HAPPINESS STATUS OF SECONDARY SCHOOL TEACHERS IN NAM DINH PROVINCE DURING THE IMPLEMENTATION OF THE GENERAL EDUCATION PROGRAM 2018

Phạm Thị Hồng Thắm

Email: thampth@vnies.edu.vn
The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *In the context that Vietnam is undergoing a major education reform, teachers' sense of happiness is one of the important criteria to evaluate the effectiveness of changes in the educational program. The initial investigation on the positive effects of this innovation was conducted through a survey in Nam Dinh province with the results of multidimensional information sources. In addition to the positive information, it still raises many questions for managers. The survey results show that teachers who feel "their work is meaningful" account for 3.10/5 points, which is the lowest score in the evaluation criteria. In addition, the percentage of teachers who "completely do not believe" and "slightly do not believe" in happiness in the future still accounts for a relatively large proportion (24.4%). However, some other criteria such as "Satisfied with current job position" have a higher evaluation score (4.05/5 points), and "Feeling motivated at work" reached 4.11/5 points. Based on the research results, the author hopes that the Vietnamese Ministry of Education and Training will consider specific action to help teachers increase their professional happiness.*

KEYWORDS: Feeling of happiness, reality, secondary school teachers.